

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉN XE NGHỆ AN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tham gia điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Phi Hồ	Chủ tịch	
Ông Trần Minh Thành	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Huy Hoàn	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thanh Giang	Ủy viên	
Ông Đào Việt Ánh	Ủy viên	Bổ nhiệm từ ngày 08/06/2022
Ông Văn Công Điềm	Ủy viên	Miễn nhiệm từ ngày 08/06/2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Trần Minh Thành	Tổng Giám đốc
Ông Võ Xuân Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thanh Giang	Kế toán trưởng

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Thanh Vân	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 08/06/2022
Ông Phạm Xuân Bích	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ ngày 08/06/2022
Ông Hoàng Thế Thọ	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 08/06/2022
Ông Lê Hữu Cường	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 08/06/2022
Ông Nguyễn Văn Chi	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 08/06/2022
Ông Vũ Hoàng Huỳnh	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 08/06/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh Miền Trung đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Nghệ An, ngày 24 tháng 03 năm 2023

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Trần Minh Thành

Số: 02.240323/BCKT UHY - MT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An được lập ngày 24 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



A blue handwritten signature of Nguyễn Thị Bích.

Nguyễn Duy Tuấn

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1951-2023-112-1

Nguyễn Thị Bích

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 4881-2019-112-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

- Chi nhánh Miền Trung

Nghệ An, ngày 24 tháng 03 năm 2023

05996

IG TY

N X

HỆ A

1-T.NG

CÔNG TY TNHH

Q

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		67.280.295.123	107.621.272.191
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	24.665.397.960	18.407.242.288
111	1. Tiền		4.665.397.960	3.907.242.288
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	14.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	22.000.000.000	45.500.000.000
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		22.000.000.000	45.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		19.658.672.219	43.485.456.058
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		350.640.000	
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	5.764.153.664	3.923.645.920
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	12.000.000.000	38.000.000.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.543.878.555	1.561.810.138
140	IV. Hàng tồn kho	8	18.517.018	12.799.346
141	1. Hàng tồn kho		18.517.018	12.799.346
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		937.707.926	215.774.499
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	70.263.182	122.974.719
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		44.733.444	-
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	15	822.711.300	92.799.780
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		242.242.137.354	214.773.587.865
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		934.204.000	934.204.000
216	6. Phải thu dài hạn khác	7	934.204.000	934.204.000
220	II. Tài sản cố định		37.797.652.492	42.232.457.916
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	37.797.652.492	42.223.756.513
222	- Nguyên giá		87.531.346.314	88.528.081.539
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(49.733.693.822)	(46.304.325.026)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	-	8.701.403
228	- Nguyên giá		242.859.000	242.859.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(242.859.000)	(234.157.597)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	59.641.684.410	37.304.630.921
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		59.641.684.410	37.304.630.921
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	135.187.100.000	125.187.100.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		28.203.400.000	28.203.400.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		84.397.200.000	84.397.200.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		22.586.500.000	12.586.500.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		8.681.496.452	9.115.195.028
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	8.681.496.452	9.115.195.028
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		309.522.432.477	322.394.860.056

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		5.392.932.759	28.146.696.464
310	I. Nợ ngắn hạn		5.392.932.759	28.146.696.464
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	532.422.097	57.020.667
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.141.552.179	556.198.491
314	4. Phải trả người lao động		1.429.363.559	200.684.386
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	24.213.699
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	16	474.080.100	503.289.997
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	-	24.000.000.000
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.815.514.824	2.805.289.224
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		304.129.499.718	294.248.163.592
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	304.129.499.718	294.248.163.592
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		70.000.000.000	70.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		70.000.000.000	70.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		9.870.330.758	9.870.330.758
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		2.969.144.190	2.969.144.190
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		150.813.506.122	148.116.952.282
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		70.476.518.648	63.291.736.362
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		59.595.182.522	56.665.330.597
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		10.881.336.126	6.626.405.765
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		309.522.432.477	322.394.860.056

Nghệ An, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Giang

Tổng Giám đốc



Trần Minh Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	44.174.406.018	30.218.385.644
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		44.174.406.018	30.218.385.644
11	4. Giá vốn hàng bán	19	26.028.987.711	21.071.307.855
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.145.418.307	9.147.077.789
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	4.712.310.917	5.371.990.149
22	7. Chi phí tài chính	21	125.911.233	24.213.699
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		125.911.233	24.213.699
25	8. Chi phí bán hàng		266.123.706	68.600.002
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		9.114.321.296	6.753.561.713
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.351.372.989	7.672.692.524
31	11. Thu nhập khác	22	318.181.818	14.900.000
32	12. Chi phí khác	23	190.029	1.132.578
40	13. Lợi nhuận khác		317.991.789	13.767.422
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.669.364.778	7.686.459.946
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		2.788.028.652	1.060.054.181
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		10.881.336.126	6.626.405.765

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Giang

Nghệ An, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc



Trần Minh Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Theo phương pháp gián tiếp

MÃ SỐ B 03-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2022	Năm 2021
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	13.669.364.778	7.686.459.946
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	4.589.053.606	4.712.591.960
	tiền tệ có gốc ngoại tệ		
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(4.712.310.917)	(5.371.990.149)
06	- Chi phí lãi vay	125.911.233	24.213.699
07	- Các khoản điều chỉnh khác	-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	13.672.018.700	7.051.275.456
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	(3.170.611.437)	(2.148.956.650)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	(5.717.672)	14.160.690
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	434.887.554	(1.234.437.367)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	486.410.113	414.668.540
14	- Tiền lãi vay đã trả	(125.911.233)	(24.213.699)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.976.679.911)	(1.800.665.352)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.000.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	8.314.396.114	2.271.831.618
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(22.491.301.671)	(4.434.803.231)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	318.181.818	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(74.500.000.000)	(220.750.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	124.000.000.000	188.800.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(10.000.000.000)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	4.616.879.411	4.765.544.945
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	21.943.759.558	(31.619.258.286)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33	3. Tiền thu từ đi vay	-	24.000.000.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	(24.000.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(24.000.000.000)	24.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	6.258.155.672	(5.347.426.668)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	18.407.242.288	23.754.668.956
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	24.665.397.960	18.407.242.288

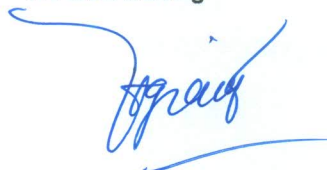
Nghệ An, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Giang

Tổng Giám đốc



Trần Minh Thành

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

1 . THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An được thành lập theo Quyết định số 2502/QĐ-UB-ĐMDN ngày 07/07/2004 của UBND tỉnh Nghệ An và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900599622 đăng ký lần đầu ngày 30/07/2004, thay đổi lần thứ 8 ngày 06/12/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 của Công ty là 70.000.000.000 đồng, chia thành 7.000.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Vốn thực góp của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 70.000.000.000 đồng.

1.2 . Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề sản xuất kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là: dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe.

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê văn phòng, ki ốt kinh doanh; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, khu vui chơi giải trí; Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu: Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Bán buôn tổng hợp: Mua bán khoáng sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô; Bốc dỡ hàng hóa; Trạm dừng nghỉ phương tiện giao thông và các dịch vụ liên quan;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan. Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm định xe cơ giới; Thí nghiệm vật tư thiết bị điện; Kỹ thuật hàn và mối hàn, đo lường các chỉ số môi trường, chứng nhận an toàn chịu lực công trình và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình; Thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm định chất lượng công trình;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.

1.3 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

1.4 . Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên đơn vị:

Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Bến Thủy
Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh

Địa chỉ:

Thành phố Vinh - Nghệ An
Thành phố Hạ Long - Quảng Ninh

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh về các khoản đầu tư.

Số lượng lao động của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 128 người (tại ngày 31/12/2021 là 129 người).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

2 . CƠ SỞ, CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

2.3 . Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được ghi sổ theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu các khoản cho vay được trình bày theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định về dự phòng hiện hành.

